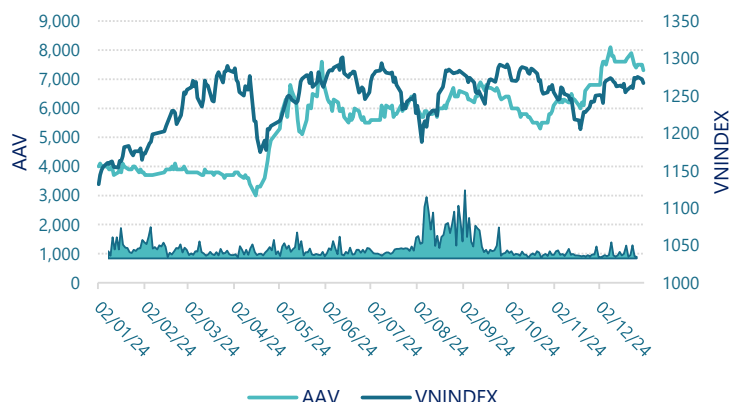


CTCP AAV Group (HNX: AAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	7,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
SL cổ phiếu LH	68,987,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,060,660
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	504
P/E	-42.0
EPS	-174

DT thuần

Q4/24

35.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.4 | 5736%

YoY: ▲ 31.0 | 782%

LN sau thuế

Q4/24

-6.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.59 | -241%

YoY: ▼ 1.68 | -34.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-34.5%

+/- YoY: ▼ 18.4%

DT thuần

2024

38.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 34.6 | -47.4%

LN sau thuế

2024

-13.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.70 | 21.3%

ROE

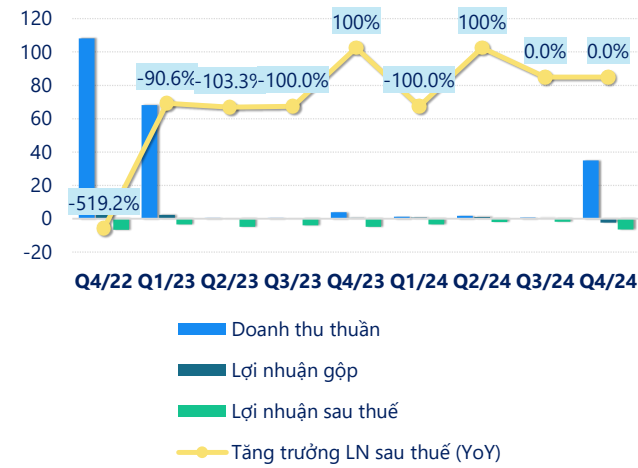
2024

-1.5%

+/- YoY: ▲ 0.6%

tỷ VNĐ

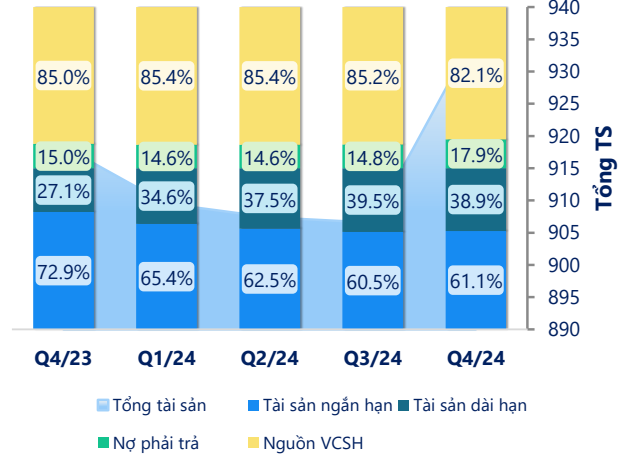
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



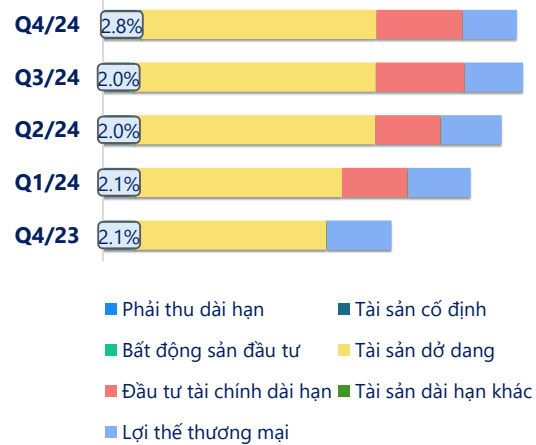
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

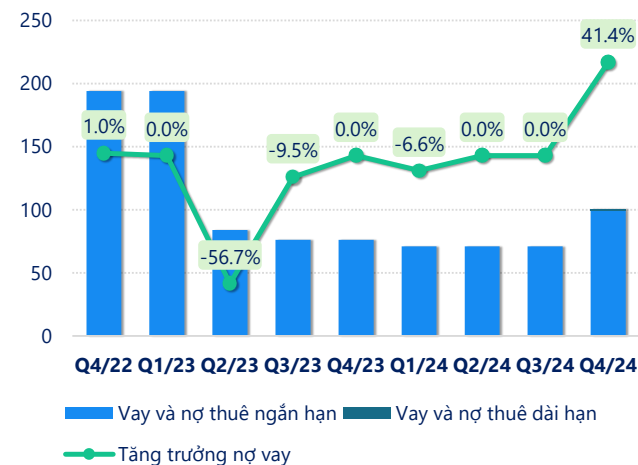
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

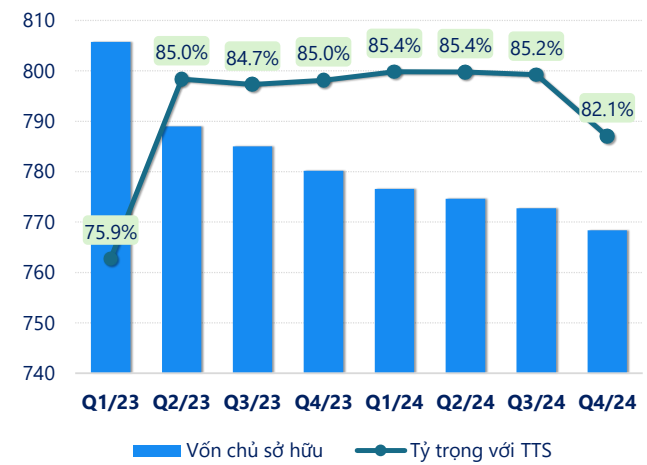
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

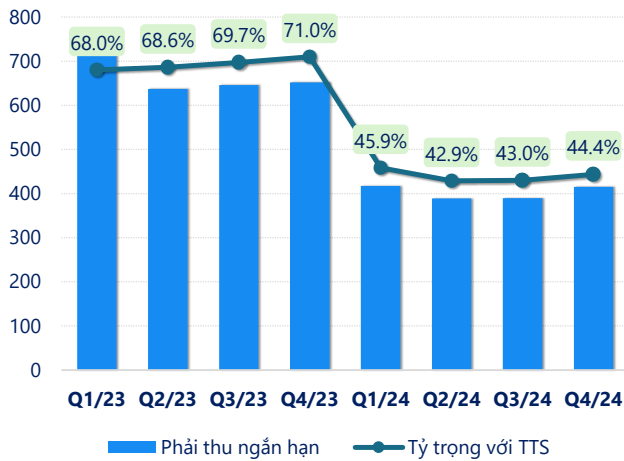
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



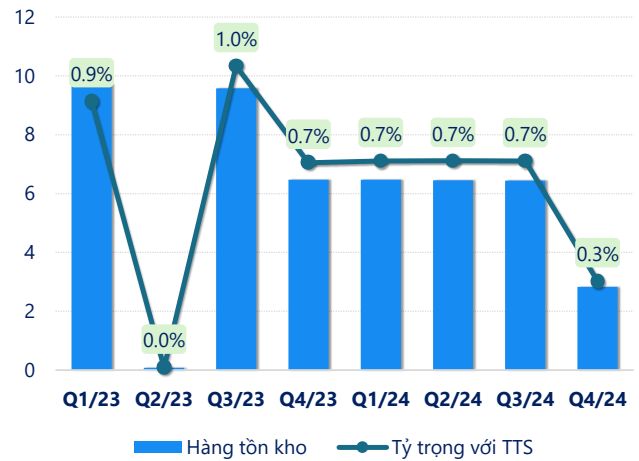
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


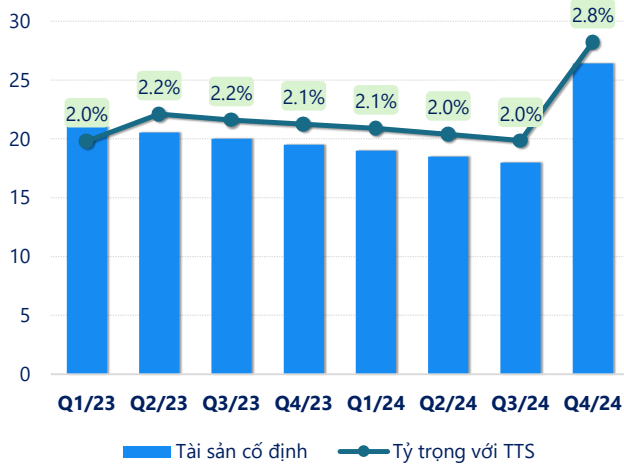
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


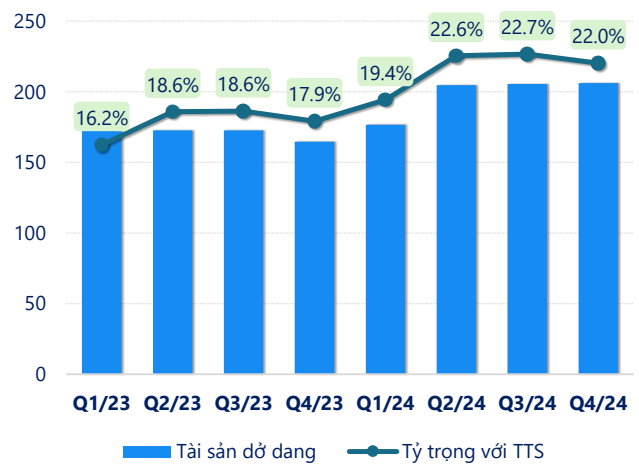
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

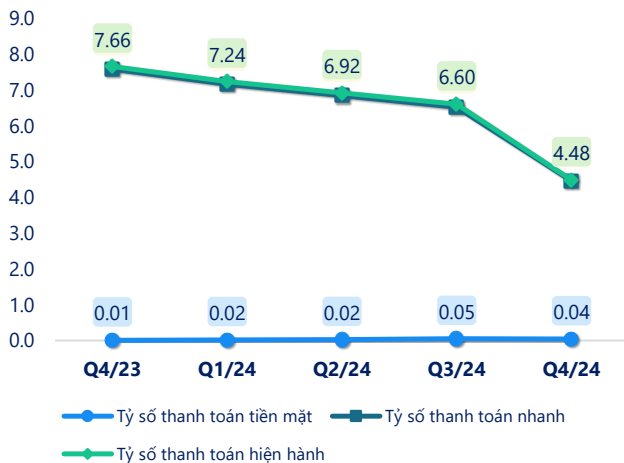
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

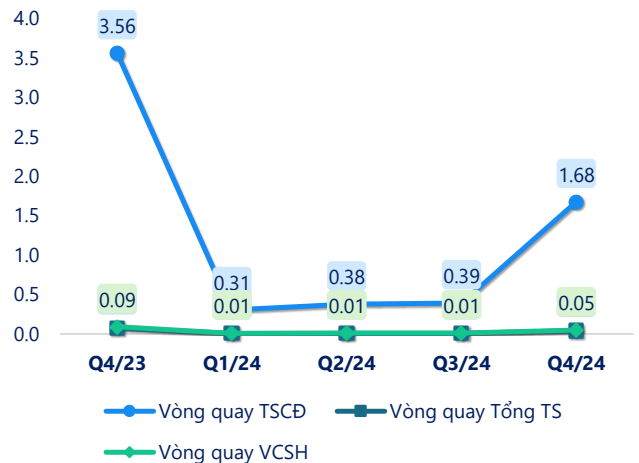
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	918	909	907	907	936
Tài sản ngắn hạn	669	595	567	548	572
Tiền và tương đương tiền	0.44	1.38	1.72	4.19	5.15
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	160	160	138	138
Phải thu ngắn hạn	652	417	389	390	415
Hàng tồn kho	6.48	6.47	6.46	6.44	2.83
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	9.90	9.96	10.0	10.5
Tài sản dài hạn	249	315	340	358	364
Phải thu dài hạn	4.23	4.23	4.39	4.39	3.40
Tài sản cố định	19.5	19.0	18.5	18.0	26.4
Bất động sản đầu tư	4.65	4.62	4.58	4.54	4.51
Tài sản dở dang	165	177	205	206	206
Đầu tư tài chính dài hạn	0	56.0	56.0	76.0	76.0
Tài sản dài hạn khác	0.55	0.42	0.40	0.25	0.33
Lợi thế thương mại	55.7	53.6	51.5	49.4	47.3
Nợ phải trả	138	133	133	134	168
Nợ ngắn hạn	87.4	82.2	82.0	83.1	128
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.1	71.0	71.0	71.0	99.2
Phải trả người bán ngắn hạn	8.34	8.48	8.33	8.33	10.1
Nợ dài hạn	50.8	50.8	50.7	50.7	40.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	1.27
Nguồn vốn chủ sở hữu	780	777	775	773	768
Vốn chủ sở hữu	780	777	775	773	768
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)